

BÁO CÁO

Báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Thanh tra Chính phủ

Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và Kế hoạch số 2613/KH-TTCTP ngày 17/12/2024 của Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) năm 2024; Quyết định số 29/QĐ-TTCTP ngày 13/02/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Bộ Chỉ số và Tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (viết tắt là PCTN) tại địa phương từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Công tác PCTN luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm, chú trọng thực hiện; thường xuyên chỉ đạo các đơn vị, địa phương cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực¹; góp phần tác động tích cực đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN trên địa bàn tỉnh được thực hiện thường xuyên; công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh được chú trọng; các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Việc kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc triển khai chiến lược về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực (viết tắt là PCTNTC) được thực hiện nghiêm túc; công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý, thu hồi tài sản tham nhũng được đẩy mạnh, nhất là việc gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác PCTNTC tại cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng được quan tâm, chú trọng.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN

1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN

a) UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch công tác PCTNTC của tỉnh năm 2024² để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ về công tác PCTN, tiêu cực năm 2024, đảm bảo tiến độ, chất lượng đề ra. Tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện, thể chế hóa, cụ thể

¹ Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về ban hành Chương trình công tác năm 2024 và Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 27/12/2023 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 của tỉnh.

² Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 27/12/2023

hóa văn bản, quy định, chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh³; chú trọng việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm ban hành và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực; xây dựng và hoàn thiện cụ thể hóa chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác PCTNTC.

b) Đánh giá việc tổ chức thực hiện

Sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác PCTNTC năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện kịp thời việc ban hành kế hoạch, cụ thể hóa các nội dung công tác PCTN phù hợp với đặc điểm, tình hình, sát với chức năng, nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương⁴; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả.

Trong năm 2024, đã ban hành 134 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhằm tăng cường việc phòng, ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực, nhất là các lĩnh vực liên quan đến quản lý hành chính, tổ chức, bộ máy, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, giáo dục, y tế, an ninh, trật tự,... Đồng thời, thông qua hoạt động quản lý nhà nước, các sở, ban ngành tỉnh đã phát hiện những sơ hở, bất cập trong quản lý kinh tế - xã hội, kịp thời kiến nghị UBND tỉnh tăng cường các biện pháp quản lý nhằm hạn chế, loại bỏ điều kiện phát sinh tham nhũng.

Trong công tác tiếp công dân đã được Chủ tịch UBND tỉnh, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Luật Tiếp công dân; ngay từ đầu năm đã ban hành Thông báo lịch tiếp công dân định kỳ trong năm 2024⁵ để người dân được biết và đăng ký tiếp công dân theo đúng quy định.

Tự đánh giá đạt: 19/20 điểm

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN

³ Công văn số 302/UBND-NC ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện Văn bản số 1031/VPCP-V.I ngày 28/3/2024, Văn bản số 3978/VPCP-V.I ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 5362/UBND-NC ngày 07/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/VPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

⁴ 20 sở, ban, ngành; 13 UBND huyện, thị xã, thành phố; 04 doanh nghiệp nhà nước và 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

⁵ Thông báo số 615/TB-UBND ngày 19/12/2023.

2018: Các nội dung lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương⁶, theo chức năng, nhiệm vụ đều được công khai minh bạch trên tất cả các lĩnh vực. Cụ thể là: về thủ tục hành chính, quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn, công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức, ngân sách nhà nước, tài sản công, quy hoạch sử dụng đất theo quy định... Các nội dung này được thực hiện công khai bằng nhiều hình thức như: Tại cuộc họp, phát hành ấn phẩm, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, của ngành, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như: Đầu tư; xây dựng; tài chính ngân sách; công tác tổ chức, cán bộ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm,... Đồng thời UBND tỉnh đã tổ chức họp báo định kỳ, đột xuất để kịp thời công khai, cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí; trả lời, giải trình đối với các vấn đề dư luận xã hội quan tâm; công khai kết quả tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo UBND tỉnh.

- Kết quả thực hiện cải cách hành chính (*PAR năm 2024*): UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính (*viết tắt là CCHC*) trên địa bàn tỉnh gắn với chuyển đổi số. Công tác CCHC tiếp tục chuyển biến tích cực; tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến tăng vượt bậc; giao dịch thanh toán trực tuyến tăng mạnh, đem lại sự nhanh chóng, tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 08 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính⁷; trên địa bàn toàn tỉnh đang thực hiện 1.842 thủ tục hành chính⁸ và được công khai đầy đủ trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, địa phương⁹; ban hành 61 quyết định công bố mới, sửa đổi và bãi bỏ, thay thế thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và thực hiện công khai đầy đủ trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương¹⁰.

- Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh (*DTI năm 2024*): UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024; trong đó, tập trung chỉ đạo, điều hành và triển khai quyết liệt công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả nổi bật. Theo đó, các cơ quan,

⁶ 22 sở, ban, ngành; 13 UBND huyện, thị xã, thành phố; 03 doanh nghiệp nhà nước và 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

⁷ Một số văn bản nổi bật: Quyết định số 1879/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi; Công văn 974/UBND-TTHC ngày 28/02/2024 về việc triển khai thực hiện các kế hoạch của Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; Công văn số 1313/UBND-TTHC ngày 14/03/2024 v/v thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2024; Công văn số 369/UBND-TTHC ngày 19/01/2024 về việc triển khai Đề án "Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030" năm 2024 của Bộ Nội vụ; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 17/01/2024 tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 5464/UBND-TTHC ngày 11/10/2024 về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công văn số 5893/UBND-TTHC ngày 31/10/2024 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong 02 tháng cuối năm 2024.

⁸ Trong đó: 1.576 TTHC của sở, ngành; 304 TTHC của cấp huyện và 138 TTHC của cấp xã.

⁹ <https://motcua.quangngai.gov.vn>.

¹⁰ <https://motcua.quangngai.gov.vn>.

đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (*từ tỉnh đến xã*) sử dụng hiệu quả các Hệ thống dùng chung của tỉnh để quản lý, điều hành và xử lý công việc.

- Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2022 - 2025: UBND tỉnh tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 13/9/2022 triển khai thực hiện Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; việc sử dụng các phương tiện, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đạt tổng giá trị giao dịch 322.302 tỷ đồng; kết quả thực hiện cụ thể trên địa bàn tỉnh đã được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Quảng Ngãi có Báo cáo số 1318/BC-QNG4 ngày 20/12/2024 về kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh năm 2024.

- Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn: UBND tỉnh đã công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022¹¹ và ban hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2024¹²; ban hành 07 văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ¹³ để thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành đầy đủ các quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công. Trong năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra có nội dung về thực hiện định mức tiêu chuẩn.

- Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (*viết tắt là XDLI*): Các cơ quan, đơn vị, địa phương đều thực hiện rà soát xung đột lợi ích, qua đó kịp thời giải quyết các trường hợp có xung đột lợi ích nên không để xảy ra các vụ việc vi phạm về xung đột lợi ích.

- Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 510/UBND-NC ngày 26/01/2024 về việc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2024. Theo đó, căn cứ theo thẩm quyền được giao, Sở Nội vụ đã hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2024.

Kết quả, các cơ quan, đơn vị, địa phương¹⁴ đã ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; trong năm 2024 đã chuyển đổi vị trí công tác 323/350

¹¹ Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh.

¹² Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh.

¹³ Một số văn bản nổi bật: Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 05/06/2024 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 về việc Quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 về việc ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển và quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 về Quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 về Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi...

¹⁴ Trừ 04 doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh không thuộc đối tượng áp dụng quy định về chuyển đổi vị trí công tác.

người¹⁵, đạt tỷ lệ 92,29% kế hoạch.

Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện nghiêm túc việc xây dựng Kế hoạch và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định. Một số trường hợp trong diện chuyển đổi nhưng chưa chuyển đổi vì một số lý do khách quan trong quá trình thực hiện.

- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử: UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nghiêm các văn bản về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp theo từng lĩnh vực cụ thể. Các sở, ban ngành, địa phương tiếp tục thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực gắn liền với siết chặt kỷ luật kỷ cương hành chính theo chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng và ban hành quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hiện công khai quy tắc ứng xử tại trụ sở cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. Trong năm, không có trường hợp vi phạm về quy tắc ứng xử.

- Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (*viết tắt là TSTN*)

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh đã chủ động phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc xây dựng kế hoạch, lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai theo đúng quy định. Trong năm, căn cứ định hướng xây dựng kế hoạch xác minh năm 2024 của Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2024 của Thanh tra tỉnh tại Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 24/01/2024. Kết quả xác minh 41 cá nhân cho thấy vẫn còn tồn tại một số sai sót trong quá trình kê khai của một số cá nhân; tuy nhiên, không có trường hợp nào kê khai không trung thực hoặc giải trình không trung thực về nguồn gốc hình thành tài sản, thu nhập đến mức bị xử lý kỷ luật.

- Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (*viết tắt là Chỉ thị số 10/CT/TTg*)

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-TTg lồng ghép vào các nội dung chỉ đạo tại Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 27/12/2023 về công tác PCTNTC năm 2024 và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan. Trong năm, tiếp nhận và giải quyết 55/63 đơn phản ánh về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; đã tiến hành xử lý 73/73 người vi phạm¹⁶.

Tự đánh giá đạt : 26.75/27 điểm

b) Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

¹⁵ Tổng số công chức, viên chức thuộc danh mục chuyển đổi vị trí công tác trong kế hoạch năm 2024 của các cơ quan, đơn vị, địa phương (*số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm 2024*) là 365 người; trong quá trình thực hiện có 03 đơn vị (UBND: thị xã Đức Phổ; huyện Tư Nghĩa; TP Quảng Ngãi) có văn bản điều chỉnh kế hoạch chuyển đổi nên tổng số người chuyển đổi còn lại năm 2024 của các cơ quan, đơn vị, địa phương là 350 người.

¹⁶ Báo cáo số 20/BC-STNMT ngày 22/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 27/12/2023 về công tác PCTN năm 2024; Công văn số 198/UBND-NC ngày 11/01/2024 về tăng cường thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; đồng thời chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN phù hợp với tình hình của doanh nghiệp, tổ chức; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật PCTN đến người lao động trong đơn vị và thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định, góp phần thực hiện tốt công tác phòng ngừa tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước.

Tự đánh giá đạt: 3/3 điểm

3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng

a) Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát:

Trong năm, toàn ngành thanh tra đã thực hiện 114 cuộc thanh tra, kiểm tra; phát hiện 02 vụ việc vi phạm¹⁷ có hành vi tham nhũng qua công tác thanh tra và đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo: Trong năm, trên địa bàn tiếp nhận 4.391 tin phản ánh, 38 vụ tố cáo thuộc thẩm quyền; qua xử lý tin phản ánh và giải quyết tố cáo đã giải quyết 4.215/4.391 tin phản ánh và 34/38 đơn tố cáo.

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra: Trong năm, Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố 07/07 vụ việc tố giác, tin báo tội phạm.

Tự đánh giá đạt: 8,91/12 điểm

b) Đánh giá việc xử lý tham nhũng

- Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân: Trong kỳ, kỷ luật 02 tổ chức¹⁸; có 05 cá nhân¹⁹ bị xử lý kỷ luật hành chính do có hành vi tham nhũng.

- Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng:

Trong năm, có 27 người do cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/27 người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng; 47 người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/47 người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng

¹⁷ (1) Vụ việc liên quan đến công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình Đường xã Tuyên ven biển Khu dịch vụ Trùng Dương - Trạm Biên phòng Đức Lợi, huyện Mộ Đức; (2) Vụ việc có dấu hiệu vi phạm trong quản lý đất đai tại xã Phô Châu, thị xã Đức Phổ.

¹⁸ Đảng ủy Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

¹⁹ (1) Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Hà Hoàng Việt Phương; (2) Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Lê Quốc Đạt; (3) Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Phạm Ngọc Thủy; (4) Quyết định số 126/QĐ-BQL ngày 06/5/2024 của Giám đốc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về thi hành kỷ luật đối với ông Trần Thạch Nam; (5) Phạm Ngọc Phượng, Giám đốc Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế..

và 25 người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/41 người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng.

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng: Trong năm, có một số trường hợp bị xử lý trách nhiệm người đứng đầu với hình thức khiển trách²⁰, cảnh cáo²¹, cách chức²².

Tự đánh giá đạt: 19.03/20 điểm

c) Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN

- Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn: Trong năm, có 03 người đã xử lý vi phạm/03 người vi phạm²³.

- Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích: Không có.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác: Trong năm, có 01 người đã xử lý vi phạm/01 người vi phạm²⁴.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng: Không.

- Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN: Không.

- Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN: Không.

Tự đánh giá đạt: 2/8 điểm

4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng

a) Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra: Trong năm, đã thu hồi 6.766 triệu đồng/tổng số tiền phát hiện 9.810 triệu đồng.

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh: Trong năm, không có xử lý vi phạm về tiền, tài sản.

²⁰ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc thi hành kỷ luật đối với ông Phan Văn Quyền, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đức Hòa.

²¹ Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 13/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành kỷ luật đối với ông Trần Ngọc Căng, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi..

²² Sở Giao thông vận tải (Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Hà Hoàng Việt Phương); Ban Quản lý Dự án các công trình giao thông tỉnh (Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Lê Quốc Đạt); Sở Giao thông vận tải (Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Phạm Ngọc Thủy); Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (Quyết định số 126/QĐ-BQL ngày 06/5/2024 của Giám đốc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về thi hành kỷ luật đối với ông Trần Thạch Nam; Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế.

²³ (1) Lê Minh Việt, Chủ tịch UBND xã Đức Lợi, Mộ Đức; (2) Đỗ Nhuận, Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện Mộ Đức; (3) Phan Văn Quyền, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đức Hòa, UBND huyện Mộ Đức.

²⁴ Đặng Đình Thuận, Giảng viên Trường Đại học Phạm Văn Đồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Tự đánh giá đạt: 2/5 điểm

b) Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử: Trong năm, thu hồi được 22.396.430.940 đồng/22.707.464.320 đồng đã phát hiện.

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án: Trong năm, thu hồi được 1.144.274.000 đồng/1.144.274.000 đồng phải thu hồi theo Bản án.

Tự đánh giá đạt: 5/5 điểm

5. Bị trừ điểm theo Bộ Chỉ số PACA do có trường hợp đảng viên thuộc cơ quan cấp tỉnh bị kỷ luật

Tự đánh giá điểm bị trừ: -04/-10 điểm.

6. Điểm tự đánh giá công tác PCTN năm 2024

Căn cứ Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2024 và tài liệu hướng dẫn do Thanh tra Chính phủ ban hành, UBND tỉnh Quảng Ngãi tự chấm điểm đạt: **81,69/100 điểm.**

III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024; NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỀ PCTN

1. Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2024 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2023; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN

a) Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2024 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2023

Qua kết quả đánh giá PCTN 2023, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 330/UBND-NC ngày 17/01/2025 về chấn chỉnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến; đổi chiều kết quả đánh giá công tác PCTN năm 2024 với năm 2023 cho thấy kết quả thực hiện công tác PCTN trên địa bàn tỉnh có những bước tiến bộ hơn so với năm trước; việc triển khai các văn bản chỉ đạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đi vào nền nếp, nghiêm túc; việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng đã được thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, hạn chế, khắc phục nhiều sai phạm về tham nhũng; việc kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN được thực hiện thường xuyên; công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử đã được quan tâm chú trọng; việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng, thu hồi tiền, tài sản tham nhũng hiệu quả hơn.

b) Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN

- Việc rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục những sơ hở của cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội còn chậm, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu công tác quản lý nhà nước, nhất là các lĩnh vực về đất đai,

quy hoạch, tài chính, đầu tư xây dựng,...

- Việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng thông qua các biện pháp phòng, ngừa và tin phản ánh, đơn tố cáo vẫn còn hạn chế.

2. Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới

a) Đề nghị các bộ, ngành Trung ương phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong việc tham mưu cấp thẩm quyền hoặc ban hành các văn bản quy định cụ thể, nhất là các lĩnh vực về đất đai, xây dựng, đầu tư, quản lý tài sản công.

b) Đề nghị Thanh tra Chính phủ

- Quan tâm hoàn thành Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu về kiểm soát TSTN, nhất là xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập để nâng cao hiệu quả công tác phòng, ngừa tham nhũng.

- Tiếp tục nghiên cứu Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN phù hợp; định kỳ tổ chức tập huấn, hướng dẫn Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công tác tổ chức đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh (về cách thức thống kê, cung cấp số liệu, hồ sơ, tài liệu minh chứng) để việc tổ chức đánh giá công tác PCTN đạt kết quả.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Thanh tra Chính phủ xem xét./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Cục IV - Thanh tra Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Tr607).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Giang





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG CẤP TỈNH NĂM 2024

Phụ lục 1

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm m	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Tài liệu, số liệu minh chứng trong thời gian từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)	GHI CHÚ
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20		19		
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	5		5		
A.1.1. Chỉ đạo thực hiện các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN	1		1		
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Văn bản số 1031/VPCP-V.I ngày 28/3/2024, Văn bản số 3978/VPCP-V.I ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	0,2	UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm	0,2	Công văn số 302/UBND-NC ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh (Mặt)	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến	0,2	UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm	0,2	Chương trình số 01/CTr- UBND ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh	

năm 2030.	A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	0,2	UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm	0,2	Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh		
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	0,2	UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm	0,2	Công văn số 5362/UBND-NC ngày 07/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh			
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/VPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.	0,2	UBND cấp tỉnh có văn bản triển khai: 0,2 điểm	0,2	Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh			
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024	1	UBND cấp tỉnh có ban hành kế hoạch PCTN năm 2024: 1,0 điểm	1	Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh			
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024	3		3				
A.1.2.1. Về thực hiện các văn bản của các cơ quan ở TW về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024 có chỉ đạo triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương: 0,5	0,5	Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai kịp thời, cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết, văn bản của Trung ương, của tỉnh và các giải pháp có hiệu quả về công tác			

				PCTNTC; trong đó, cần nêu rõ nội dung, cơ quan tham mưu thực hiện, thời gian hoàn thành cụ thể.	
A.1.2.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024 có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm	0,5	Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm ban hành và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực...	
A.1.2.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024 có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0,5 điểm	0,5	Xây dựng và hoàn thiện cụ thể hóa chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực, nhất là đất đai, tài nguyên, khoáng sản....	
A.1.2.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024 có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0,5 điểm	0,5	Tăng cường về chỉ đạo, định hướng và cung cấp thông tin, tuyên truyền PCTNTC theo Quy định số 116-QĐ/TW ngày 28/7/2023 của Ban Bí thư; triển khai thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN và các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác PCTNTC	
A.1.2.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024 có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: 0,5 điểm	0,5	Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm ban hành và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN để kịp thời phát hiện	

				và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để đề xuất, tham mưu, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách, quy định.	
A.1.2.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN 2024	0,5	Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024 có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 0,5 điểm	0,5	Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện Kế hoạch công tác PCTNTC năm 2024 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về UBND tỉnh	
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh năm 2024	15		14	Liệt kê danh sách chi tiết các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh: 1. Các sở, ban, ngành: 20 2. Các quận, huyện (hoặc thị xã, thành phố thuộc UBND cấp tỉnh): 13 3. Đơn vị sự nghiệp công lập: 05 4. Doanh nghiệp nhà nước: 04 Tổng số: 42 (cụ thể có Danh mục kèm theo)	1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh theo Quyết định số 1915/QĐ-TTg ngày 04/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ. 2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh: - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh. - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh. - Trường Đại học Phạm Văn Đồng là

				đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 07/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ. - Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp công theo Quyết định số 1963/QĐ-LĐTBXH ngày 20/12/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. - Đại Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp công theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh.
				3. Doanh nghiệp nhà nước - Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi là doanh nghiệp có chủ sở hữu là UBND tỉnh theo Quyết định số 531/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 14/04/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh. - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi. - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tò. - Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi.
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4		4	Căn cứ xác định trách nhiệm kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ gồm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước)

A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá quy phạm pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 33/33 = 1 điểm	1	Cơ quan, đơn vị đều có ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3 = 33/33 = 3 điểm	3	Các cơ quan, đơn vị đều có ban hành báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4		4		
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 42/42 = 1 điểm	1	Các cơ quan, đơn vị đều có ban hành Kế hoạch công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3 = 33/33 = 3 điểm	3	Các cơ quan, đơn vị đều có ban hành Báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	

		vi thuộc UBND cấp tỉnh) x $3=42/42 \times 3 = 3 \text{ điểm}$		theo)	
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)= $33/33=1 \text{ điểm}$	1	Các cơ quan, đơn vị điều có ban hành Báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	Cần cử xác định trách nhiệm theo dõi việc thi hành pháp luật được quy định tại Văn bản hợp nhất 1084/VBHN-BTP ngày 25/03/2020 của Bộ Tư pháp gồm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước)
A.2.4. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Tiếp công dân. Theo quy định tại Khoản 5, Điều 12 Luật Tiếp công dân: “5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh ít nhất 01 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”.	2	(Số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh/12 tháng) x 2 = $12/12 \times 2 = 2 \text{ điểm}$	2	- Thông báo Lịch tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 (số 615/TB-UBND ngày 19/12/2023). - Thông báo, Biên bản thể hiện số tháng tiếp công dân định kỳ, tiếp công dân đột xuất của Chủ tịch UBND cấp tỉnh: 1. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 77/TB-VP ngày 12/01/2024). 2. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 282/TB-VP ngày 15/02/2024). 3. Chủ tịch UBND tỉnh không tiếp dân định kỳ	

				tháng 3 (người đứng đầu bị xử lý hình sự). 4. Chủ tịch UBND tỉnh không tiếp dân định kỳ tháng 4 (người đứng đầu bị xử lý hình sự). 5. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 944/TB-VP ngày 14/5/2024). 6. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 1282/TB-VP ngày 14/6/2024). 7. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 1552/TB-VP ngày 11/7/2024). 8. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 1856/TB-VP ngày 14/8/2024). 9. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 2160/TB-VP	
--	--	--	--	---	--

				ngày 13/9/2024). 10. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 2361/TB-VP ngày 11/10/2024). 11. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 2735/TB-VP ngày 13/11/2024). 12. Thông báo về việc tổ chức tiếp công dân định kỳ tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 3064/TB-VP ngày 12/12/2024).	
A.2.5. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện theo Luật Tiếp công dân Theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân: “5. <i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện ít nhất 02 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đối xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này</i>”.	1,5	(Số lượng Chủ tịch UBND cấp huyện tiếp dân đầy đủ theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân/ Tổng số Chủ tịch UBND cấp huyện) x 1,5 = 13/13 x 1,5 = 1,5 điểm	1,5	- Danh sách 13 Chủ tịch UBND cấp huyện, thị xã, thành phố có tiếp công dân đầy đủ theo quy định (<i>có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo</i>): Chủ tịch UBND các huyện: Ba Tơ, Bình Sơn, Lý Sơn, Minh Long, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Sơn hà, Sơn Tây, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Tư Nghĩa, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi.	
A.2.6. Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Luật Tiếp công	1,5	(Số lượng Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tiếp dân đầy	1,5	- Danh sách 20 Người đứng đầu của 20 Cơ quan chuyên môn thuộc UBND	Căn cứ xác định cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-

dân Theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân, Người đứng đầu Cơ quan: "2. <i>Trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình</i>".	đủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân/ Tổng số Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh) x 1,5 = 20/20 x 1,5 = 1,5 điểm	tỉnh tiếp công dân đầy đủ theo quy định (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo): - Giám đốc 19 Sở, ban, ngành: Công thương; Giáo dục và Đào tạo; Giao thông và Vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngoại vụ; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Nội vụ; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Y tế; Chánh Thanh tra tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc; VP UBND tỉnh. - Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi.	CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh theo Quyết định số 1915/QĐ-TTg ngày 04/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ
A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	1	(Số vụ việc được Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng/ Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng gửi tới Chủ tịch UBND cấp tỉnh) = 0	- Liệt kê các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng: - Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham

				- Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:.... - Cung cấp báo cáo công tác PCTN của UBND tỉnh năm 2024	
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHƯNG	30	CÁCH TÍNH ĐIỂM	29,75		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	27		26,75		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực:	6		6		
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x $1=42/42 = 1$ điểm	1	Các cơ quan, đơn vị đều có thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018 (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo).	
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x $1=42/42 = 1$ điểm	1		
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị	1		

chức, viên chức		thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x $I=42/42 = 1$ điểm			
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x $I=42/42 = 1$ điểm	1		
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x $I=42/42 = 1$ điểm	1		
B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất	1	(Số lượng quận, huyện thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số quận, huyện thuộc UBND cấp tỉnh) x $I=13/13 = 1$ điểm	1		
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2024)	1	Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2024). (Điểm số PAR Index của UBND cấp tỉnh Quảng Ngãi năm 2024)/100	0,88	Quyết định số 268/QĐ-BNV ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	

B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2024/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1 = 33/33 = 1 điểm	1	Liệt kê danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2024: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	1	- UBND tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 0,5 điểm. - UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 0,5 điểm	1	- Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. - Báo cáo số 1318/BC-QNG4 ngày 20/12/2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi về kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024.	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC)	2		2		
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong nội bộ	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan,	1	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong nội bộ: (có phụ	

		đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 33/33 = 1 điểm		lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.5.2. Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 33/33 = 1 điểm	1	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	3		3		
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát XDLI trong nội bộ	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát XDLI trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 42/42 = 1 điểm	1	- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành văn bản triển khai thực hiện tổ chức rà soát XDLI trong nội bộ: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.6.2. Kết quả thực hiện rà soát XDLI trong nội bộ	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả rà soát XDLI trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 42/42 = 1 điểm	1	- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã báo cáo kết quả rà soát XDLI trong nội bộ: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI của cả tỉnh	1	- Giải quyết 1 vụ: Được tính 0,2 điểm - Giải quyết 2 vụ: Được tính 0,4 điểm	1	Liệt kê chi tiết các vụ việc XDLI đã được giải quyết năm 2024: Đoàn thanh tra: (1) trách	

		- Giải quyết 3 vụ: Được tính 0,6 điểm - Giải quyết 4 vụ: Được tính 0,8 điểm - Giải quyết trên 5 vụ: Được tính 1,0 điểm		nhệm của UBND, Chủ tịch UBND xã Tịnh Thiện; (2) trách nhiệm của Giám đốc Ban Quản lý dự án DTXD&PTQD thành phố, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo và Nghĩa Dong, Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong và Nghĩa An; (3) trách nhiệm của UBND, Chủ tịch UBND xã Tịnh Hòa; (4) việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức tại một số phòng, ban, đơn vị và một số UBND xã, phường trực thuộc thành phố; (5) việc chấp hành pháp luật về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Ba To.	
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	2		2		
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi vị	1	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban	

		trí công tác/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 38/38 = 1 điểm		hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 38/38 = 1 điểm	1	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 42/42 = 1 điểm	1	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5		5		
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN/ Tổng số sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) = 42/42 = 1 điểm	1	Liệt kê danh sách sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	1	(Số lượng sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh hoàn	1	Liệt kê danh sách sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh	

		thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định/ Tổng số số, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)=42/42 = 1 điểm		hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2024	1	- UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2024: 0,5 điểm - Thanh tra cấp tỉnh ban hành kế hoạch xác minh TSTN năm 2024: 0,5 điểm	1	- Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh - Kế hoạch số 297/KH-TTT ngày 04/4/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (Mật)	
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN năm 2024	2	(Số người được xác minh TSTN_năm 2024_đã có kết luận/ Tổng số người được xác minh TSTN năm 2024)x 2,0 = 41/41 = 2 điểm	2	(1) Kết luận số 11, 12,, 13, 14, 15/KL-TTT ngày 20/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (2) Kế luận số 16, 17, 18, 19/KL-TTT ngày 23/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (3) Kết luận số 20 ngày 24/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (4) Kế luận số 21, 22, 23, 24/KL-TTT ngày 30/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (5) Kết luận số 26, 27, 28, 29/KL-TTT ngày 02/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (6) Kết luận số 30, 31, 32, 33/KL-TTT ngày	

				09/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (7) Kết luận số 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40/KL-TTT ngày 10/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (8) Kết luận số 41, 42, 43, 44/KL-TTT ngày 23/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (9) Kết luận số 45/KL-TTT ngày 30/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (10) Kết luận số 46, 47, 48, 49, 50/KL-TTT ngày 31/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. (11) Kết luận số 145/KL-TTT ngày 06/11/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh (Mật). (12) Kết luận số 51/KL-TTT ngày 08/11/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh. - Báo cáo số 194/BC-TTT ngày 17/12/2024 của Thanh tra tỉnh.	
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)	5		4,87		

B.1.10.1. Kế hoạch thực hiện Chi thị 10	1	Năm 2024, UBND tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo thực hiện Chi thị 10: 1 điểm	1	Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh	
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc	1	(Số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã được xử lý/ Tổng số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận) = $55/63 \times 1 = 0,87$ điểm	0,87	- Liệt kê các vụ việc người dân, doanh nghiệp kiến nghị phản ánh tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: 63 vụ việc - Liệt kê các vụ việc đã được xử lý: 55 vụ việc - Báo cáo số 351/BC-SKHDT ngày 20/12/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chi thị 10	3	(Số người đã xử lý vi phạm Chi thị 10/ Tổng số người vi phạm) $\times 3 = 73/73 = 3$ điểm	3	- Liệt kê các cá nhân đã xử lý vi phạm Chi thị 10 : Văn phòng Đăng ký đất đai + Chi nhánh Huyện Tư Nghĩa: 10 người. + Chi nhánh Huyện Mộ Đức: 09 người + Chi nhánh huyện Bình Sơn: 27 người. + Chi nhánh huyện Nghĩa Hành: 12 người. + Chi nhánh thị xã Đức Phổ: 15 người - Liệt kê tổng số các cá nhân vi phạm Chi thị 10: Văn phòng Đăng ký đất đai	

				+ Chi nhánh Huyện Tư Nghĩa: 10 người. + Chi nhánh Huyện Mộ Đức: 09 người + Chi nhánh huyện Bình Sơn: 27 người. + Chi nhánh huyện Nghĩa Hành: 12 người. + Chi nhánh thị xã Đức Phổ: 15 người - Báo cáo số 20/BC-STNMT ngày 22/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường.	
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương	3	Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương gồm: (1) Công ty đại chúng và (2) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.	3		
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đơn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	Năm 2024, UBND cấp tỉnh có văn bản hướng dẫn, đơn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện: 1,0 điểm	1	Công văn số 198/UBND-NC ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh.	
B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.	2	(Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong nội	2	Liệt kê số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng	

		bộ/ Tổng số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước) x 2,0 = 11/11 = 2 điểm		trong nội bộ: (có phụ lục 5 của các cơ quan, đơn vị kèm theo)	
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHƯNG	40	CÁCH TÍNH ĐIỂM	29,94		
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12		8,91	- Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng: 0 - Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng: 0 - Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng: (1) Vụ việc liên quan đến công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình Đường xã Tuyến ven biển Khu dịch vụ Trùng Dương - Trạm Biên phòng Đức Lợi, huyện Mộ Đức. (2) Vụ việc có dấu hiệu vi phạm trong quản lý đất đai tại xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ (Kết luận thanh tra số 46/KL-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ). - Báo cáo 304/BC-UBND ngày 12/12/2024 của	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra.	3	(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện) = (0/142 + 0 + 02/114) x 3 = 0,06 điểm	0,06		

				UBND tỉnh.	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.	2	(Số vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số vụ việc giải quyết đơn tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh) = (4.215/4.391 + 34/38) = 1,85 điểm	1,85	Báo cáo 304/BC-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh.	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra năm 2024	7	(Số vụ án tham nhũng được khởi tố điều tra/ Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị điều tra tham nhũng) x 7 = 07/07 x 7 = 7 điểm	7	Công văn số 1959/BC-CAT-CSKT ngày 10/4/2025 của Công an tỉnh.	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20		19,03		
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	5		5		
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2,5	(Số tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức để xảy ra tham nhũng) x 2,5 = 2/2 x 2,5	2.5	- Quyết định số 1747-QĐ/UBND ngày 26/9/2024 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc thi hành kỷ luật Đảng ủy Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2010 – 2015. - Quyết định số 1748-QĐ/UBND ngày 26/9/2024 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc thi hành kỷ luật Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh	

				tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2015 – 2020.	
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2,5	(Số người có hành vi tham nhũng đã xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện) x 2,5 = 6/6 x 2,5 = 2,5 điểm	2,5	- Liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính (1) Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Hà Hoàng Việt Phương. (2) Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Lê Quốc Đạt; (3) Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Phạm Ngọc Thủy; (4) Quyết định số 126/QĐ-BQL ngày 06/5/2024 của Giám đốc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về thi hành kỷ luật đối với ông Trần Thạch Nam. (5) Quyết định số 1057/QĐ-SYT ngày 20/6/2024 về việc thi hành kỷ luật đối với ông Phạm Ngọc Phương, Giám đốc Trung tâm Pháp y tỉnh	

				Quảng Ngãi, Sở Y tế. (6) Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 về việc thi hành kỷ luật đối với ông Nguyễn Phạm Trọng Nghĩa, Phó Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi - <i>Liệt kê Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện:</i> (1) Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Hà Hoàng Việt Phương. (2) Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Lê Quốc Đạt; (3) Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Phạm Ngọc Thủy; (4) Quyết định số 126/QĐ-BQL ngày 06/5/2024 của Giám đốc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về thi hành kỷ luật đối với ông Trần Thạch Nam.
--	--	--	--	---

				(5) Quyết định số 1057/QĐ-SYT ngày 20/6/2024 về việc thi hành kỷ luật đối với ông Phạm Ngọc Phương, Giám đốc Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế. (6) Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 về việc thi hành kỷ luật đối với ông Nguyễn Phạm Trọng Nghĩa, Phó Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5		6,53		
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2,5	(Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng) x 2,5 = 27/27 x 2,5 = 2,5 điểm	2,5	- Công văn số 1959/BC-CAT-CSKT ngày 10/4/2025 của Công an tỉnh Quảng Ngãi. - Báo cáo số 497/VKS-P1 ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. - Công văn số 83/TAND-VP ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.	
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2,5	(Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5 = 47/47 = 2,5 điểm	2,5		
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2,5	(Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/ Tổng số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5 = 25/41 x 2,5 =	1,53		

		1,53 điểm			
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5		7,5	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng.	
C.2.3.1. Hình thức khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 = 1/1 x 2,5 = 2,5 điểm	2,5	- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc thi hành kỷ luật đối với ông Phan Văn Quyền, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đức Hòa.	

				- Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xây ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng: Trường Tiểu học Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. - Báo cáo số 02/BC-SNV ngày 06/01/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi.	
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 = ...	2,5	- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 13/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành kỷ luật đối với ông Trần Ngọc Cầm, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng: UBND tỉnh Quảng Ngãi	
C.2.3.3. Hình thức cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm)	2,5	(Số cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng)	2,5	- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:	

hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)	trọng trên địa bàn) x 2,5=6/6 x 2.5 = 2,5 điểm	+ Sở Giao thông vận tải (Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Hà Hoàng Việt Phương) + Ban Quản lý Dự án các công trình giao thông tỉnh (Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Lê Quốc Đạt); + Sở Giao thông vận tải (Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thi hành kỷ luật ông Phạm Ngọc Thủy); + Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (Quyết định số 126/QĐ-BQL ngày 06/5/2024 của Giám đốc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về thi hành kỷ luật đối với ông Trần Thạch Nam. + Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 1057/QĐ-SYT ngày 20/6/2024 về việc thi hành kỷ luật đối với ông Phạm Ngọc Phương, Giám đốc Trung tâm Pháp y tỉnh
--	---	---

				<i>Quảng Ngãi, Sở Y tế).</i> + Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 về việc thi hành kỷ luật đối với ông Nguyễn Phạm Trọng Nghĩa, Phó Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi) - Báo cáo số 02/BC-SNV ngày 06/01/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi.	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8		2		
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	0		
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = 3/3 x 1 = 1 điểm	1	- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn: (1) Lê Minh Việt, Chủ tịch UBND xã Đức Lợi, Mộ Đức (2) Đỗ Nhuận, Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện Mộ Đức (3) Phan Văn Quyền, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đức Hòa, UBND huyện	

				Mộ Đức. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn: (1) Lê Minh Việt, Chủ tịch UBND xã Đức Lợi, Mộ Đức (2) Đỗ Nhuận, Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện Mộ Đức (3) Phan Văn Quyền, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đức Hòa, UBND huyện Mộ Đức. - Báo cáo số 02/BC-SNV ngày 06/01/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi.			
					0		
					0		
					1		

					- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác Đảng Đình Thuận, Giảng viên Trường Đại học Phạm Văn Đồng, tỉnh Quảng Ngãi - Báo cáo số 02/BC-SNV ngày 06/01/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi.	
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	0			
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	0			
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) = Không có trường hợp xử lý: 0 điểm	0			
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	CÁCH TÍNH ĐIỂM	7			
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5		2			
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản	3	(Số tiền, tài sản đã thu hồi	2	- Liệt kê số tiền, tài sản đã		

tham những qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra		qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra/ Tổng số tiền, tài sản tham những phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra) x 3 = 6.766.000.000 đồng/9.810.000.000 đồng x 3 = 2 điểm		thu hồi qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra theo từng vụ việc: 6.766 triệu đồng - Tổng số tiền, tài sản tham những phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra: 9.810 triệu đồng. - Báo cáo 304/BC-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh.	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh / Tổng số tiền, tài sản tham những phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 2 =	0		
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5		5		
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham những qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử/ Tổng số tiền, tài sản tham những phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử) x 2,5 = 22.396.430.940 đồng /22.707.464.320 đồng x 2,5 = 2,5 điểm	2,5	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc: 22.396.430.940 đồng. - Tổng số tiền, tài sản tham những phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử: 22.707.464.320 đồng. - Công văn số 1959/BC-CAT-CSKT ngày 10/4/2025 của Công an tỉnh Quảng Ngãi.	

				- Báo cáo số 497/VKS-P1 ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. - Công văn số 83/TAND-VP ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án) x 2,5 = 1.144.274.000 đồng/1.144.274.000 đồng x 2,5 = 2,5 điểm	2,5	- Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc: 1.144.274.000 đồng. - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng tham những phải thu hồi theo từng bản án: 1.144.274.000 đồng. - Công văn số 146/CTHADS-KTGQKNTC ngày 12/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh.	
D. TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN 2024	-10		- 4		
TD.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2024	- 2	UBND cấp tỉnh chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN và tài liệu minh chứng: - Nộp Báo cáo tự đánh giá nhưng chậm nộp tài liệu minh chứng: - 1,0 điểm - Chậm nộp Báo cáo tự đánh giá và tài liệu minh chứng : - 2,0 điểm	0		
TD.2. Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị	- 4	Năm 2024, Tổ chức đang cấp tỉnh (Ban thường vụ	0		

xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực		tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh) bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực: - Mức cảnh cáo: - 4,0 điểm - Mức khiển trách: - 3,0 điểm (<i>Tỉnh có Tổ chức bị xử lý kỷ luật ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất</i>).			
TĐ.3. Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực	- 4	Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh (bí thư, phó bí thư; chủ tịch, phó chủ tịch) bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực: - Mức 1: Có trường hợp bị xử lý hình sự hoặc khai trừ: - 4,0 điểm - Mức 2: Có trường hợp bị xử lý cách chức: - 3,0 điểm - Mức 3: Có trường hợp bị xử lý cảnh cáo: - 2,0 điểm - Mức 4: Có trường hợp bị xử lý khiển trách: - 1,0 điểm (<i>Tỉnh có nhiều trường hợp bị xử lý ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất</i>).	- 4	Mức 1: (bị xử lý hình sự hoặc khai trừ): Quyết định số 1183-QĐNS/TW ngày 09/4/2024 về việc thi hành kỷ luật đồng chí Đặng Văn Minh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Ban cán sự đảng, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.	
Tổng cộng (A+B+C+D) + (-Đ) = (19+29,75+29,94+7) - 4 = 81,69 điểm			81,69		

Phụ lục 3. TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)		100	81,69	(Đã trừ 4 điểm tại Mục D)
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN		20	19	
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:		5	5	
A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản năm 2024 của các cơ quan ở TW về PCTN		1	1	
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Văn bản số 1031/PPCP-V.I ngày 28/3/2024, Văn bản số 3978/PPCP-V.I ngày 02/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.		0,2	0,2	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.		0,2	0,2	
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.		0,2	0,2	
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ		0,2	0,2	
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/PPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ		0,2	0,2	
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2024		1	1	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ				Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
				3	3	
		A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2024		0,5	0,5	
		A.1.3.1. Về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN		0,5	0,5	
		A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN		0,5	0,5	
		A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN		0,5	0,5	
		A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN		0,5	0,5	
		A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN		0,5	0,5	
		A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2024		0,5	0,5	
		A.2. Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh		15	14	
		A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		4	4	
		A.2.1.1. Ban hành kế hoạch		1	1	
		A.2.1.2. Kết quả thực hiện		3	3	
		A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.		4	4	
		A.2.2.1. Ban hành kế hoạch		1	1	
		A.2.2.2. Kết quả thực hiện		3	3	
		A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		1	1	
		A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		2	2	
		A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện		1,5	1,5	
		A.2.6. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh		1,5	1,5	
		A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.		1	0	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ			
	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	29,75	
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	27	26,75	
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	6	6	
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	1	1	
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	1	1	
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyên dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	1	
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước	1	1	
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	1	1	
B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất	1	1	
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2024)	1	0,88	
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024	1	1	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	2	
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	1	1	
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	3	3	
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	1	1	
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	1	1	
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI	1	1	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

		Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
	B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	2	2	
	B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	1	1	
	B.1.7.2. Kết quả thực hiện	1	1	
	B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	1	
	B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5	
	B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	1	
	B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	1	1	
	B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	1	1	
	B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	2	2	
	B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	5	4,87	
	B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10	1	1	
	B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	1	0,87	
	B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	3	
	B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	3	
	B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	1	
	B.2.2. Kết quả thực hiện pháp luật PCTN của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	2	2	
	C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	29,94	
	C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	8,91	
	C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	3	0,06	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	2	1,85	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	7	7	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	19,03	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	5	
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2,5	2,5	
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN	2,5	2,5	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5	6,53	
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2,5	2,5	
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2,5	2,5	
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2,5	1,53	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5	7,5	
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	2,5	2,5	
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	2,5	2,5	
C.2.3.3. Hình thức cách chức	2,5	2,5	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	2	
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ				Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
	C.3.4.	Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		1	0	
	C.3.5.	Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)		1	1	
	C.3.6.	Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		1	0	
	C.3.7.	Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		1	0	
	C.3.8.	Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		1	0	
	D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG			10	7	
	D.1.	Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh		5	2	
	D.1.1.	Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra		3	2	
	D.1.2.	Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh		2	0	
	D.2.	Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án		5	5	
	D.2.1.	Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử		2,5	2,5	
	D.2.2.	Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án		2,5	2,5	
	Đ. TRỪ ĐIỂM CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024			-10	-4	
	TD.1.	Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2024		-2	0	
	TD.2.	Năm 2024, Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực		-4	0	
	TD.3.	Năm 2024, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.		-4	-4	